ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ PHƯỚC HƯNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 84/QĐ-UBND	*Phước Hưng, ngày 15 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
V/v Công khai ước thực hiện tình hình thu, chi ngân sách địa phương năm 2022

UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/201, Luật số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019 của Quốc Hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính Phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 82/2015/QH 13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách ;

Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND xã Phước Hưng về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2022;

Xét đề nghị của Công chức kế toán ngân sách xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai ước thực hiện tình hình thu, chi ngân sách địa phương năm 2022 của UBND Phước Hưng(Có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Kế toán ngân sách xã có trách nhiệm công khai theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Văn phòng UBND xã, Kế toán ngân sách xã, các bộ phận, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Anh Duy

Nơi nhận:
-Như điều 3;
-Lưu VT; KT.

UBND XÃ PHƯỚC HƯNG

Biểu số 113/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Kèm theo QĐ số 84/QĐ-UBND ngày 15/12 /2022 của UBND xã Phước Hưng)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022	SO SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
I	**TỔNG SỐ THU**	**38.874.872.935**	**41.072.830.290**	**105,65**
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	1.739.181.552	1.819.850.261	104,64
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	538.800.000	532.490.646	98,83
3	Thu bổ sung	29.737.488.000	31.861.086.000	107,14
	- Thu bổ sung cân đối	2.549.000.000	2.549.000.000	100,00
	- Thu bổ sung có mục tiêu	27.188.488.000	29.312.086.000	107,81
4	Thu chuyển nguồn	6.859.403.383	6.859.403.383	100,00
II	**TỔNG SỐ CHI**	**35.937.409.000**	**31.741.848.000**	**88,33**
1	Chi đầu tư phát triển	30.552.609.000	26.449.048.000	86,57
2	Chi thường xuyên	5.292.800.000	5.292.800.000	100,00
3	Dự phòng	92.000.000	0	0,00

UBND XÃ PHƯỚC HƯNG

Biểu số 114/CK TC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Kèm theo QĐ số 84 /QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND xã Phước Hưng)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022		ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	48.764.891.383	38.874.872.935	90.153.662.485	41.072.830.290	184,9	105,7
I	**Các khoản thu 100%**	**1.780.000.000**	**1.739.181.552**	**1.807.642.642**	**1.819.850.261**	**101,55**	**104,64**
1	Phí, lệ phí	84.000.000	84.000.000	42.514.000	42.514.000	50,61	50,61
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	1.190.000.000	1.278.686.000	1.278.686.000	1.278.686.000	107,45	100,00
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu đóng góp tự nguyện tổ chức, cá nhân	0	0	0	0		
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	16.000.000	16.000.000	16.000.000	16.000.000	100,00	100,00
7	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	25.000.000	25.000.000	28.700.000	28.700.000	114,80	114,80

8	Lệ phí trước bạ nhà, đất	232.000.000	232.000.000	262.000.000	262.000.000	112,93	112,93
9	Thu khác	70.000.000	101.900.000	56.950.000	178.235.000	81,36	174,91
10	Thuế tài nguyên	48.000.000					
11	Thuế thu nhập cá nhân	99.000.000					
12	Thuế tiêu thu đặc biệt	16.000.000					
13	Thu khác về thuế			121.197.090	12.119.709		
14	Thu kết dư ngân sách năm trước		1.595.552	1.595.552	1.595.552		0,00
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**10.388.000.000**	**538.800.000**	**49.625.530.460**	**532.490.646**	**477,72**	**98,83**
	- Thuế GTGT và TNDN	5.388.000.000	538.800.000	5.324.906.460	532.490.646	98,83	98,83
	- Thu tiền đất	5.000.000.000		44.300.624.000			
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**						
IV	**Thu chuyển nguồn**	**6.859.403.383**	**6.859.403.383**	**6.859.403.383**	**6.859.403.383**		**100,00**

V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**						
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**29.737.488.000**	**29.737.488.000**	**31.861.086.000**	**31.861.086.000**		**107,14**
	- Thu bổ sung cân đối	2.549.000.000	2.549.000.000	2.549.000.000	2.549.000.000		100,00
	- Thu bổ sung có mục tiêu	27.188.488.000	27.188.488.000	29.312.086.000	29.312.086.000		107,81

UBND XÃ PHƯỚC HƯNG

Biểu số 115/CK TC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Kèm theo QĐ số 84 /QĐ-UBND ngày 15 / 12 /2022 của UBND xã Phước Hưng)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022			ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	10=6/3
	TỔNG CHI	**35.937.409.000**	**30.552.609.000**	**5.384.800.000**	**31.741.848.000**	**26.449.048.000**	**5.292.800.000**	**88,33**	**86,57**	**98,29**
	Trong đó				31.741.848.000	26.449.048.000	5.292.800.000			
1	Chi giáo dục	3.500.000.000	3.500.000.000		2.600.000.000	2.600.000.000		74,29	74,29	
2	Chi an ninh, quốc phòng			485.680.000	448.174.211		448.174.211			
3	Chi y tế	0			0					
4	Chi văn hóa, thông tin	1.275.319.000	1.143.319.000	132.000.000	1.447.206.000	1.303.206.000	144.000.000	113,48		109,09
5	Chi phát thanh, truyền thanh	69.164.000		69.164.000	77.069.452		77.069.452	111,43		111,43
6	Chi thể dục thể thao	75.000.000		75.000.000	78.708.000		78.708.000	104,94		104,94
7	Chi bảo vệ môi trường	336.800.000		336.800.000	336.800.000		336.800.000	100,00		100,00
8	Chi các hoạt động kinh tế	26.117.362.000	25.867.362.000	250.000.000	22.474.165.296	22.183.914.000	290.251.296	86,05	85,76	116,10
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.814.084.000	41.928.000	3.772.156.000	4.109.037.041	361.928.000	3.747.109.041	107,73	863,21	99,34
10	Chi cho công tác xã hội	172.000.000		172.000.000	170.688.000		170.688.000	99,24		99,24
11	Chi khác	0		0	0			0,00		0,00
12	Dự phòng ngân sách	92.000.000		92.000.000	0		0	0,00		0,00